

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 03/01/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Út

- Ông Phan Văn Thật

- T ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan-T ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp I, xã M, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Anh L, chị T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày: Anh và chị Trần Thị Kim T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện C, tỉnh T, anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân tính tình không hợp nhau, chị T nhiều lần mắng chửi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của anh nên anh chị đã sống ly thân hơn 3 tháng nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Kim T.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Trần Thị Kim T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung như lời trình bày của anh L. Trong cuộc sống vợ chồng chị và anh L Tổng cự cãi và chị có chửi mắng, xúc phạm anh L. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, chị vẫn còn Tong chồng, muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nên chị không đồng ý ly hôn với anh Lê Văn L.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2006, có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nguyên nhân anh xin ly hôn là do chị T nhiều lần chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của anh nên anh đã bỏ nhà đi hơn 3 tháng nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Đối với chị T không đồng ý ly hôn, tuy cuộc sống vợ chồng chị và anh L Tổng cự cãi và chị có chửi mắng, xúc phạm anh L nhưng chị vẫn còn Tong chồng, muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nên chị không đồng ý ly hôn với anh L.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện là anh L phải chia cho chị 40.000.000 đồng. Xét thấy, đời sống tình cảm không thật sự hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không có biện pháp khắc phục, nay chị T lại đặt điều kiện vật chất mới đồng ý ly hôn là cố ý kéo dài thời gian không cần thiết, không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, điều đó cho thấy, tình cảm vợ chồng đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh L là phù hợp với qui định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có

[3] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo anh L và chị T được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

1- Cho anh Lê Văn L được ly hôn với chị Trần Thị Kim T.

2- Về án phí: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 14936 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như thi hành xong phần án phí.

3- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sâm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cai Lậy, ngày 03 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Út

Ông Phan Văn Thật

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 424/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp I, xã M, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Anh L, chị T có mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật’.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng: Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

1- Cho anh Lê Văn L được ly hôn với chị Trần Thị Kim T.

2- Về án phí: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 14936 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như thi hành xong phần án phí.

3- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA